

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH¹

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo², được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 5 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính³,

¹ Văn bản này được hợp nhất từ 02 Nghị định sau:

- Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo;

- Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Nghị định trên.

² Công báo số 638 + 639 ngày 04 tháng 9 năm 2013;

³ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP)”.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại một thời điểm.

2. "Đầu tư trực tiếp vào các dự án" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. "Cho vay hợp vốn" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương; thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Tên gọi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là: Quỹ đầu tư phát triển, ghép với tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện các hoạt động sau:

1. Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Đầu tư, bao gồm đầu tư trực tiếp vào các dự án; cho vay đầu tư; góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước⁴**1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

- a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- b) Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- c) Ban hành chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

- a) Phê duyệt đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương;
- b) Phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Xem xét có ý kiến chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này⁵;
- d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- a) Xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này;
- b) Quyết định việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;
- c) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

⁵ Nội dung “khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 6 và Điều 11 văn bản hợp nhất này.

điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt;

d) Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

đ) Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

e) Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này⁶;

g) Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong từng thời kỳ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này⁷;

h) Quyết định phê duyệt đầu tư đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

i) Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc thời gian vay quá 15 năm;

k) Quyết định phê duyệt góp vốn đối với một doanh nghiệp có mức góp vốn trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

l) Quyết định số lượng thành viên hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

m) Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN

Điều 6. Đối tượng đầu tư trực tiếp⁸

⁶ Nội dung “khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 6 và Điều 11 văn bản hợp nhất này.

⁷ Nội dung “khoản 5 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 15 văn bản hợp nhất này.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

Điều 7. Điều kiện đầu tư

1. Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

Điều 8. Phương thức đầu tư

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức đầu tư

1. Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a)⁹ Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

**Mục 2
CHO VAY ĐẦU TƯ****Điều 11. Đối tượng cho vay¹⁰**

1. *Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.*

2. *Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.*

3. *Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại Nghị định này.*

Điều 12. Điều kiện cho vay

Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;
2. Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.
3. Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.
4. Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

1. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 14. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 15. Lãi suất cho vay¹¹

1. *Lãi suất cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.*

2. *Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng giám đốc, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.*

3. *Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều này.*

4. *Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.*

5. *Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:*

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

a) Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này¹²;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điểm b Khoản này, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 16. Bảo đảm tiền vay

Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy định về cho vay hợp vốn¹³

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định này¹⁴;

¹² Nội dung “khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 6 và Điều 11 văn bản hợp nhất này.

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

¹⁴ Nội dung “khoản 4 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 11 văn bản hợp nhất này.

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động;

c) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh, thành phố chấp thuận.

3. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

4. Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này¹⁵.

Điều 18. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư

Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện phân loại nợ, trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư như các tổ chức tín dụng.

Điều 19. Xử lý rủi ro

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

1. Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xóa, giảm lãi tiền vay; khoan nợ;

2. Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

b) Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

c) Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý quyết định việc xóa nợ lãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc. Trường hợp xóa nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

¹⁵ Nội dung “khoản 5 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung Điều 15 văn bản hợp nhất này.

Mục 3

GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

Điều 21. Hình thức góp vốn¹⁶

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định này¹⁷.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định góp vốn

1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 4

NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 23. Nhận ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2.¹⁸ *Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính địa phương khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Việc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.*

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013

¹⁷ Nội dung “khoản 2 Điều 1 Nghị định này” tương ứng với nội dung tại Điều 6 văn bản hợp nhất này.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác

Điều 24. Ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Mục 5 GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Điều 25. Giới hạn đầu tư¹⁹

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

2. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện;

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Chương III

VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 26. Vốn chủ sở hữu

1.²⁰ *Vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:*

a) Vốn điều lệ thực có: Là số vốn do chủ sở hữu cấp cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương để hoạt động theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này;

b) Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển;

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính; nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Điều 27. Vốn huy động

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

2. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Giới hạn huy động vốn

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 27 Nghị định này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại cùng thời điểm.

Điều 29. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương IV

TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 30. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

1. Có Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Số vốn điều lệ tối thiểu phải có tại thời điểm thành lập là 100 (một trăm) tỷ đồng.

3. Bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Giám đốc và các Phó giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư.

5. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành tài chính, kế toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

Điều 31. Trình tự thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sự cần thiết thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương; quy mô, phạm vi hoạt động; cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành;

d) Dự kiến phương án hoạt động trong 02 (hai) năm đầu kèm theo danh mục các dự án dự kiến đầu tư tại thời điểm xét duyệt;

đ) Thuyết minh về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính biết và công bố rộng rãi việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương²¹

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

Điều 33. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích.

3. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 34. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này.

2. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

5. Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập.

2. Tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương²²

1. Hội đồng quản lý có tối đa 05 (năm) thành viên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp.

4. Thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

3. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

5. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát quỹ đầu tư phát triển địa phương; quyết định các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

8. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

9. Ban hành quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 38. Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

2.²³ *Ban Kiểm soát có tối đa 03 (ba) thành viên, được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.*

Điều 39. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc) và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

²³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

2. Giám đốc Quỹ là ủy viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Về nhân sự và tổ chức của Quỹ:

a)²⁴ *Việc tuyển dụng lao động; quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.*

b) Việc tổ chức các Phòng, Ban Nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Hội đồng quản lý quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột suất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương với Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính;

đ) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh trưởng phòng, ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống;

g) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

²⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 40. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Khoản trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3.²⁵ *Cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm công ty tài chính.*

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là khoản chênh lệch giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả hợp lý, hợp lệ. Trường hợp tổng doanh thu lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự sau:

- a) Bù đắp các khoản lỗ lũy kế đến thời điểm quyết toán;
- b) Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thì không trích nữa;
- d) Phần chênh lệch sau khi đã trừ các khoản quy định tại Mục a, b, và c khoản 5 Điều này được trích theo thứ tự sau:
 - Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%;
 - Trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Mức trích tối đa không quá 500 triệu đồng;
 - Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện. Mức trích cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định;
 - Phần chênh lệch còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

6. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong hoạt động;

b) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

²⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

c) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cán bộ, nhân viên trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác;

d) Quỹ phúc lợi được dùng để chi cho các hoạt động, công trình phúc lợi công cộng của cán bộ, nhân viên; phúc lợi xã hội;

đ) Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 41. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁶

²⁶ Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tới đây trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động phải rà soát sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp đã được Quỹ đầu tư phát triển địa phương ký hết hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp trước khi Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết theo giới hạn cho vay, đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hạn mức của hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp nói trên, việc sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp sau khi Nghị định này có hiệu lực thì phải tuân thủ giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

4. Các hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp và các hoạt động khác theo chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Công ty đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 42. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 43. Sắp xếp lại các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động thí điểm

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động thí điểm phải thực hiện đăng ký lại Điều lệ tổ chức và hoạt động và tổ chức lại các hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

2. Tối đa trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có dưới 100 (một trăm) tỷ đồng phải bổ sung đủ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này. Sau thời hạn này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có thấp hơn 100 (một trăm) tỷ đồng phải chấm dứt hoạt động.

3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình độc lập theo quy định của Nghị định này. Căn cứ vào tính chất hoạt động, Quỹ có thể thành lập bộ máy điều hành đầy đủ theo quy định tại Điều 39 của Nghị định hoặc ủy thác cho các tổ chức khác thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ như: thẩm định dự án, giải ngân, thu nợ, quản lý vốn đầu tư.

Điều 44. Hướng dẫn thực hiện

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 45. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 06/VBHN-BTC

*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2014***KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Trương Chí Trung**

PHỤ LỤC I²⁷
DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ -
XÃ HỘI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ CHO VAY

(Ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP
ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng
II	Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao
3	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề
III	Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
IV	Xã hội hóa hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, kỹ túc xá sinh viên...)
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang
V	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương

²⁷ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.